

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 49/VGNN-TC-TT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 13 tháng 12 năm 1986

THÔNG TƯ LIÊN BỘ

Hướng dẫn thực hiện quyết định của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về giá gia công, giá thu mua sản phẩm tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp.

Căn cứ vào quyết định số 263/ Công ty ngày 16 - 10 - 1986 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về giá gia công, giá thu mua sản phẩm tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp; sau khi trao đổi với Bộ Lao động, Liên hiệp xã thủ công nghiệp Việt Nam và các ngành có liên quan, Liên Bộ Vật giá - Tài chính hướng dẫn thực hiện như sau:

I. NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH GIÁ GIA CÔNG, GIÁ THU MUA SẢN PHẨM TIỂU, THỦ CÔNG NGHIỆP.

Việc xác định giá gia công, giá thu mua sản phẩm tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp phải đáp ứng hai yêu cầu:

- Một là, tính đủ, tính đúng các yếu tố chi phí theo các định mức xã hội cần thiết về tiêu hao lao động, vật tư do cơ quan có thẩm quyền duyệt, bảo đảm cho người sản xuất bù đắp chi phí thực tế hợp lý, có lợi nhuận thoả đáng, Nhà nước từng bước có tích lũy.
- Hai là, bảo đảm quyền lợi của người tiêu dùng, thúc đẩy các cơ sở sản xuất (sau đây gọi tắt là hợp tác xã) thường xuyên cải tiến kỹ thuật, nâng cao chất lượng sản phẩm, phấn đấu tăng năng suất, hạ giá thành để có giá bán hợp lý được người tiêu dùng thừa nhận.

II. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ GIA CÔNG, GIÁ THU MUA SẢN PHẨM TIỂU, THỦ CÔNG NGHIỆP:

Giá gia công , giá thu mua sản phẩm tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp được tính đúng, tính đủ các chi phí sản xuất có liên quan đến quá trình sản xuất ra sản phẩm.

Những khoản chi phí không hợp lý, không hợp lệ không được tính vào giá giá công , giá thu mua.

Những yếu tố chi phí và các bộ phận cấu thành giá giá công , giá thu mua được quy định như sau:

A. Yếu tố chi phí (để tính giá thành)

1. Chi phí về nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu... được xác định trên cơ sở định mức và giá cả:

a. Định mức vật tư: được tính theo các định mức trung bình tiền tiến của ngành đã đạt được trong thời kỳ sản xuất tương đối ổn định và phải được cấp có thẩm quyền xét duyệt. Đối với những vật tư quan trọng do Nhà nước thống nhất quản lý thì thực hiện theo quy định trong Nghị định số 201/CP ngày 26-5-1981 của Hội đồng Chính phủ và Quyết định số 038/UB-ĐM ngày 04-01-1986 của Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước ; với định mức này nếu hợp tác xã do trình độ trang bị thấp hơn quốc doanh hoặc do những điều kiện khác mà không thực hiện được thì phải giải trình rõ trong phương án giá trình cơ quan có thẩm quyền xét duyệt.

Đối với vật tư khác tính theo định mức do các Bộ, Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương (sau đây gọi tắt là tỉnh) hoặc cơ quan được ủy quyền quyết định.

Định mức vật tư dùng để tính giá giá công, giá thu mua được áp dụng một mức thống nhất, không phân biệt là vật tư do Nhà nước cung ứng hay hợp tác xã tự cân đối bổ sung nếu quy cách, phẩm chất của loại vật tư đó tương đương nhau.

b. Đơn giá vật tư để tính giá thành được xác định phân biệt theo nguồn vật tư dựa vào sản xuất.

- Vật tư do Nhà nước cung ứng tính theo giá chỉ đạo do cơ quan có thẩm quyền quyết định. Trường hợp chưa có giá chỉ đạo thì được tính theo giá tạm tính. Giá tạm tính chỉ có hiệu lực tối đa là 30 ngày; trong thời hạn này bên cung ứng vật tư (bên đặt hàng) phải kịp thời lập phương án giá vật tư trình cơ quan có thẩm quyền xét duyệt. Khi có giá vật tư chính thức hợp tác xã và bên đặt hàng phải thanh toán lại theo giá của cấp có thẩm quyền quy định.

- Vật tư do đơn vị tự kiểm:

+ Đối với nguyên liệu là nông, lâm, hải sản... hợp tác xã được phép mua trực tiếp của người sản xuất thì được tính vào giá giá công , giá thu mua theo giá thu mua trong khung giá của địa phương chỉ đạo cộng (+) chi phí thu mua hợp lý. Hợp tác xã có trách nhiệm chấp hành nghiêm chỉnh chính sách giá do địa phương quy định.

+ Đối với vật tư do hợp tác xã tự bố trí xã viên đi khai thác thì được tính vào giá giá công , giá thu mua theo chi phí thực tế hợp lý khai thác và có lãi thoả đáng trên cơ sở hiệu quả mang lại của vật tư sản xuất, khai thác vật tư. Mức giá cụ thể phải được bên đặt hàng chấp nhận.

+ Đối với vật tư do hợp tác xã đưa gia công với các cơ sở sản xuất khác thì ngoài phần chi phí nguyên liệu còn tính thêm chi phí gia công theo giá giá công do các cơ quan có thẩm quyền quyết định.

+ Đối với vật tư do hợp tác xã tự cân đối, thông qua các hình thức liên kết kinh tế thì được tính vào giá giá công , giá thu mua theo giá hoặc giá trong khung giá do cơ quan quản lý giá có thẩm quyền quyết định. Việc xác định giá đối với những vật tư này phải căn cứ vào tính chất của từng loại vật tư, nguồn cung ứng vật tư và phương thức liên kết kinh tế để quy định theo đúng tinh thần Quyết định số 162/HĐBT ngày 14-12-1984 của Hội đồng Bộ trưởng về tổ chức hoạt động liên kết trong kinh tế.

+ Đối với vật tư tồn kho, ứ đọng, chậm luân chuyển... hợp tác xã mua của các xí nghiệp quốc doanh hoặc cơ quan khác thì được tính vào giá giá công , giá thu mua theo nguyên tắc tính giá trong Thông tư Liên Bộ số 15/VGNN-TC-TT ngày 15/8/1986 của Ủy ban Vật giá Nhà nước và Bộ Tài chính.

+ Vật tư là phiếu liệu, phế phẩm trong danh mục do Nhà nước thống nhất quản lý, hợp tác xã mua trực tiếp của xí nghiệp quốc doanh hoặc nhận của cơ quan cung ứng vật tư theo kế hoạch thì tính vào giá giá công , giá thu mua theo giá chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền quyết định. Các loại phế liệu, phế phẩm khác do hợp tác xã tự kiểm tính theo giá thực mua trong khung giá (nếu có) của địa phương.

c. Chi phí vận chuyển và xếp dỡ vật tư tính theo giá cước chỉ đạo của Nhà nước (bao gồm giá do trung ương và địa phương chỉ đạo). Nếu cơ sở tự vận chuyển, xếp dỡ hoặc thuê phương tiện của tư nhân thì tính theo giá cước địa phương qui định hoặc hướng dẫn.

2. Chi phí khấu hao (cơ bản và sửa chữa lớn) tài sản cố định tính trong giá giá công, giá thu mua bao gồm:

- Khấu hao nhà cửa, thiết bị... trực tiếp phục vụ sản xuất.
- Khấu hao nhà cửa, công trình phục vụ quản lý (bao gồm cả công trình phúc lợi công cộng tại hợp tác xã).

Trong khi chưa tiến hành tổng kiểm kê và đánh giá lại tài sản cố định đối với khu vực tiểu, thủ công nghiệp; trước mắt tạm thời quy định như sau:

a. Tài sản cố định có trước ngày 01-10-1985 thì vận dụng tinh thần Thông tư Liên Bộ số 22/LB-TT ngày 4-10-1985 của Ủy ban Vật giá Nhà nước, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Tài chính. Cụ thể là: khấu hao cơ bản tăng 5 lần, khấu hao sửa chữa lớn tăng 7 đến 9 lần so với mức khấu hao đã tính trong giá trước ngày 01-10-1985.

Trường hợp đặc biệt có thể tính khấu hao cơ bản theo giá trị tài sản cố định tăng lên 10 lần so với giá trị tài sản cố định đang ghi trong sổ sách của hợp tác xã nhưng do tác động của việc tính khấu hao như trên đến giá thu mua, giá công nên phải được khách hàng chấp thuận.

b. Tài sản cố định mua sắm sau ngày 01/10/1985 thì tính như sau:

- Nguyên giá tài sản cố định tính theo giá thực mua do Nhà nước quy định. Nếu là tài sản xuất tự trang tự chế thì tính theo giá bù đắp đủ chi phí thực tế hợp lý và có lãi cho hợp tác xã.
- Tỷ lệ khấu hao được tính theo quy định trên mà khấu hao tính theo giá quá cao làm cho giá thu mua, giá giá công (có tính thêm cả chi phí nguyên liệu) vượt quá giá chỉ đạo của Nhà nước (giá bán lẻ, giá bán buôn vật tư) thì hợp tác xã tự quyết định lấy hình thức khấu hao thích hợp để khách hàng chấp nhận mua sản phẩm cho hợp tác xã sản xuất, bảo đảm cho sản xuất kinh doanh được bình thường.

Ủy ban nhân dân tính căn cứ vào quy định trên hướng dẫn mức khấu hao tính trong giá giá công , giá thu mua cho hợp lý đối với từng loại sản phẩm và hướng dẫn việc xử lý chi phí khấu hao trong trường hợp vượt giá chỉ đạo của Nhà nước.

3. Tiền công và các khoản phụ cấp có tính chất tiền công được tính trong giá, giá thu mua bao gồm tiền công của xã viên trực tiếp sản xuất; tiền công của xã viên làm công tác cung ứng vật tư, thủ kho, bảo vệ...; tiền công của xã viên làm công tác quản lý.

Nguyên tắc xác định tiền công và các khoản phụ cấp có tính chất tiền công được quy định như sau:

a. Định mức lao động: tính theo các định mức trung bình tiền tiến (định mức đã đạt được trong thời kỳ sản xuất tương đối ổn định) do cấp có thẩm quyền xét duyệt (tính theo ngày, giờ công Nhà nước quy định; ngày công trong tháng là 24,5 công; giờ công trong ngày là 8 giờ).

Đối với những sản phẩm chưa có định mức lao động hoặc chưa đủ các định mức cho các nguyên công thì hợp tác xã tự khảo sát, xây dựng định mức lao động trình cơ quan có thẩm quyền xét duyệt theo sự phân cấp của Nhà nước. Nếu cơ quan có thẩm quyền chưa phê chuẩn thì giải trình rõ trong phương án giá.

b. Đơn giá tiền công của đơn vị sản phẩm được xây dựng trên cơ sở định mức lao động và vận dụng chế độ tiền lương của công nhân viên chức Nhà nước. Nội dung của đơn giá tiền công gồm:

- Tiền công chính của xã viên được tính tương đương với lương cơ bản như công nhân quốc doanh cùng ngành nghề.
- Các loại phụ cấp có tính chất bổ sung thêm vào tiền công chính được gộp tính vào giá sản phẩm như: phụ cấp khu vực, phụ cấp chênh lệch giá sinh hoạt theo vùng, phụ cấp độc hại, khó khăn nguy hiểm, phụ cấp làm đêm... (đối với những ngành nghề được hưởng).
- Tiền thưởng từ quỹ lương và tỷ lệ khuyến khích lương sản phẩm.
- Chi phí bữa ăn giữa ca, bữa ăn ca đêm.
- Bù giá 6 mặt hàng tiêu dùng thiết yếu.